

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HỒ CHÍ MINH.  
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



**HCMUTE**

BÀI TẬP  
THIẾT KẾ GIAO DIỆN

ĐỀ TÀI  
XÂY DỰNG WEBSITE BÁN XE MÁY

(Môn Công nghệ phần mềm)

**GVHD:** ThS. Mai Tuấn Khôi

**SVTH:** - Thái Thanh Liêm      16110375  
          - Lê Thị Thanh Ngân    16110396

Lớp chiều thứ 2, tiết 7-11  
Học kỳ 1, năm 2018\_2019

Tp. Hồ Chí Minh, 11/2018

# 1. Giao diện đăng ký tài khoản

## 1.1. Giao diện

Đăng ký tài khoản

Họ tên

Điền họ và tên

1

Địa chỉ

Điền địa chỉ

2

Số điện thoại

Điền số điện thoại

3

Email

Điền email

4

Tên đăng nhập

Điền tên đăng nhập

5

Mật khẩu:

Điền mật khẩu

6

Mật khẩu phải dài hơn 8 ký tự và không được chứa khoảng trắng

Nhập lại mật khẩu:

7

☐ Đồng ý với điều khoản của cửa hàng

Đăng ký

8

Liên hệ với chúng tôi

Chúng tôi luôn sẵn sàng được phục vụ và hướng dẫn các bạn trong quá trình mua sắm hàng hóa tại cửa hàng

Email

SUBSCRIBE

## 1.2. Danh sách xử lý

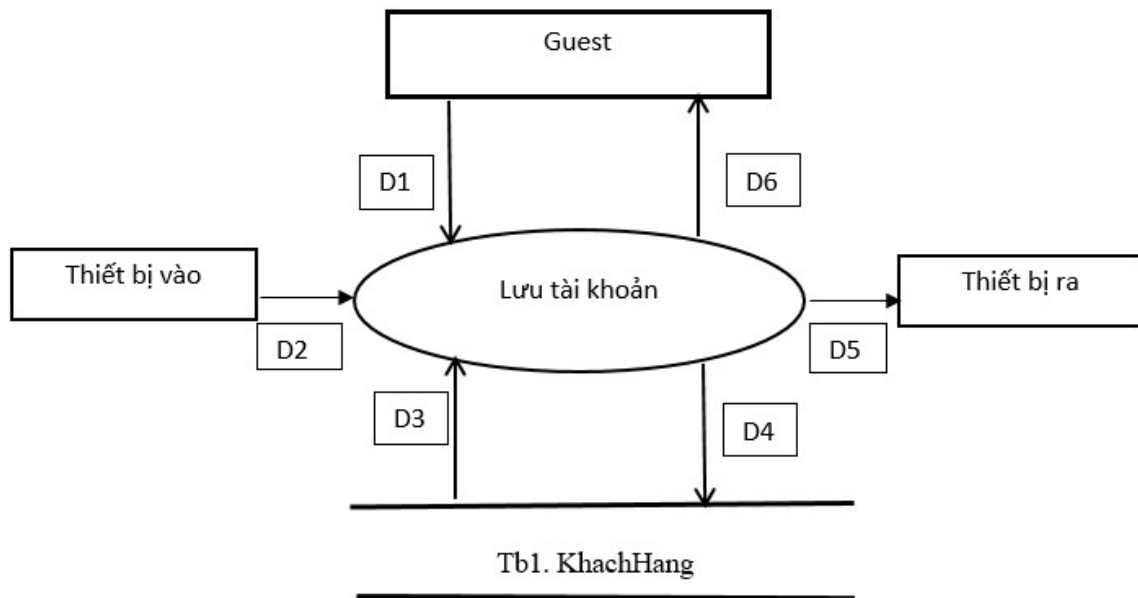
STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	Ghi chú
1	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống)	Guest click button “Đăng ký” để xác nhận đăng ký tài khoản mới	
2	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống)	Guest click button “Đăng ký” để xác nhận đăng ký tài khoản mới	
3	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống)	Guest click button “Đăng ký” để xác nhận đăng ký tài khoản mới	
4	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống, phải đúng định dạng của regular expression sau: “ <code>^[a-z][a-z0-9_\.]{5,32}@[a-z0-9]{2,}(\.[a-z0-9]{2,4}){1,2}\$</code> ”)	Guest click button “Đăng ký” để xác nhận đăng ký tài khoản mới	
5	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống)	Guest click button “Đăng ký” để xác nhận đăng ký tài khoản mới	
6	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống, có ít nhất 8 ký tự, không được chứa khoảng trắng)	Guest click button “Đăng ký” để xác nhận đăng ký tài khoản mới	
7	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống, phải trùng với text trong textbox [6])	Guest click button “Đăng ký” để xác nhận đăng ký tài khoản mới	
8	Lưu tài khoản người dùng mới vào cơ sở dữ liệu	Guest click button “Đăng ký” để xác nhận đăng ký tài khoản mới và sau khi validate kiểm tra chuỗi do guest nhập vào các textbox là hợp lệ	Xử lý chính

### Mô tả màn hình giao diện

STT	Tên đối tượng	Kiểu	Ghi chú
1	Tiêu đề form “Đăng ký tài khoản”	label	
2	Tên textbox “Họ tên”	label	
3	Tên textbox “CMND”	label	
4	Tên textbox “Email”	label	
5	Tên textbox “Địa chỉ”	label	
6	Tên textbox “SĐT”	label	
7	Tên textbox “Tên đăng nhập”	label	
8	Tên textbox “Mật khẩu”	label	
9	Tên textbox “Nhập lại mật khẩu”	label	
10	Dòng chữ “Liên hệ với chúng tôi”	label	
11	Dòng chữ “Vivuvu lòng hân hạnh phục vụ quý khách. Liên hệ với chúng tôi để biết thêm chi tiết”	label	
12	Textbox “Họ tên”	Textbox	
13	textbox “CMND”	Textbox	
14	textbox “Email”	Textbox	
15	textbox “Địa chỉ”	Textbox	
16	textbox “SĐT”	Textbox	
17	textbox “Tên đăng nhập”	Textbox	
18	textbox “Mật khẩu”	Textbox	
19	textbox “Nhập lại mật khẩu”	Textbox	
20	“Đồng ý với điều khoản của cửa hàng”	Thẻ <input>	
21	Button “Đăng ký”	button	
22	Textbox “Email”	Textbox	
23	Button “Subscribe”	button	

### 1.3. Mô tả xử lý

#### 1.3.1. Sơ đồ luồng dữ liệu



#### 1.3.2. Mô tả dữ liệu

D1: Thông tin đăng ký (tên đăng nhập , mật khẩu , họ tên , CMND, Email, địa chỉ , SDT)

D3: Danh sách KháchHang cũ (tên đăng nhập)

D4: D1

D6: Thông báo đăng ký thành công hay thất bại, thông báo tên đăng nhập được dùng

##### 1.1.1. Thuật toán

B1: Nhấn button đăng ký

B2: Mở kết nối csdl

B3: Lấy danh sách KháchHang cũ

B4: Kiểm tra tên đăng nhập có trùng không

+ Có: thông báo “Tên đăng nhập đã tồn tại. Vui lòng nhập tên đăng nhập mới”, quay lại B1

+Không: xuống B8

B5: Mã hóa md5 với mật khẩu

B6: Lưu D1 (đã mã hóa md5) vào csdl

+ Thực thi proc “Them\_TaiKhoan” trong sql

+ Truyền text trong các textbox như trên giao diện vào các biến trong proc

B7: Đóng kết nối csdl

B8: Thông báo thành công

B9: Kết thúc

## 2. Giao diện đăng nhập

### 2.1. Giao diện

**Mô tả màn hình giao diện**

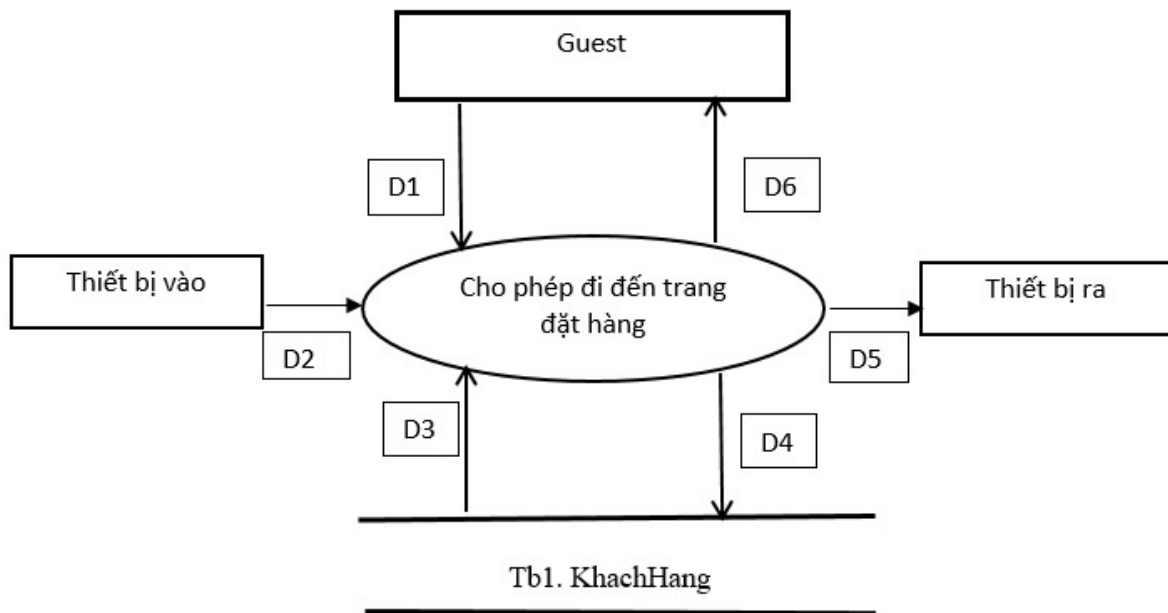
STT	Tên đối tượng	Kiểu	Ghi chú
1	Tiêu đề “Form đăng nhập”	label	
2	Textbox “Tên đăng nhập”	Textbox	
3	Textbox “Mật khẩu”	Textbox	
4	Hình ảnh “avata”	Thẻ <image>	
5	Tên textbox “Tên đăng nhập”	Label	
6	Tên textbox “mật khẩu”	Label	
7	Dòng chữ “Liên hệ với chúng tôi”	Label	
8	Button “Đăng nhập”	Button	
9	Button “Đăng ký”	Button	
10	Button “Quên mật khẩu”	Button	

## 2.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	Ghi chú
1	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống)	Khi người dùng click button “Đăng nhập” để đi đến trang đặt hàng	
2	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống, có ít nhất 8 ký tự, không được chứa khoảng trắng)	Khi người dùng click button “Đăng nhập” để đi đến trang đặt hàng	
3	Cho phép người dùng đi đến trang đặt hàng	Khi người dùng click vào button “Đăng nhập” và dữ liệu được nhập là đúng dẫn theo validate	Xử lý chính
4	Đi đến trang đăng ký tài khoản	Khi người dùng click button “Đăng ký” để đăng ký tài khoản mới	
5	Đi đến trang đặt lại mật khẩu	Khi người dùng click vào button “Quên mật khẩu” để thực hiện đặt mật khẩu mới	

## 2.3. Mô tả xử lý

### 2.3.1. Sơ đồ luồng dữ liệu



### 2.3.2. Mô tả dữ liệu

D1: Thông tin đăng nhập (tên đăng nhập, mật khẩu)

D3: Danh sách KháchHang cũ (tên đăng nhập, mật khẩu)

D6: Thông báo đăng nhập thành công hay thất bại

### 2.3.3. Thuật toán

B1: Nhận D1 từ guest

B2: Mở kết nối csdl

B3: Lấy danh sách KháchHang cũ

B4: Mã hóa mật khẩu mới bằng md5

B5: Kiểm tra D1 có trùng không

+ Thực thi proc “KiemTraDangNhap” trong sql

+ Truyền các biến từ textbox trên giao diện vào các biến trong proc “KiemTraDangNhap” trong sql

+ Nếu proc trả về giá trị là 1: xuống B7

+ Nếu proc trả về giá trị là 0: Thông báo “Tên đăng nhập hoặc mật khẩu không đúng. Vui lòng kiểm tra lại”, quay lại B1

B6: Đóng kết nối csdl

B7: Thông báo đăng nhập thành công.

B9: Chuyển đến Trang đặt hàng

B9: Kết thúc



### 3. Giao diện đặt lại mật khẩu

#### 3.1. Giao diện

#### Mô tả màn hình giao diện

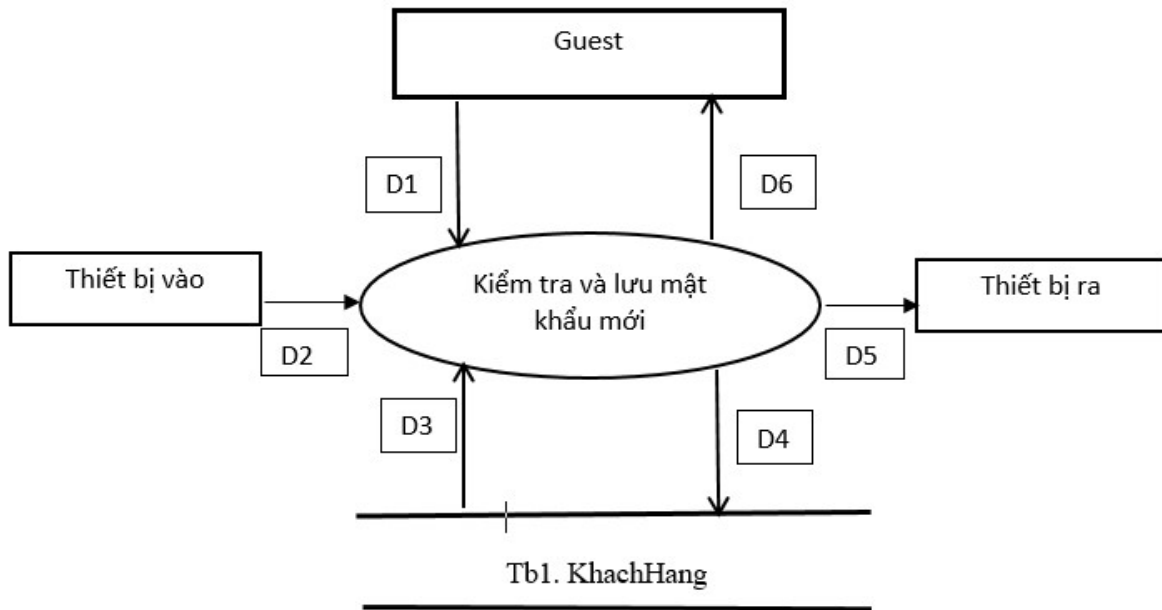
STT	Tên đối tượng	Kiểu	Ghi chú
1	Tiêu đề “Form quên mật khẩu”	label	
2	Tên textbox “Tên đăng nhập”	label	
3	Tên textbox “Mật khẩu”	label	
4	Tên textbox “Nhập lại mật khẩu”	label	
5	Dòng chữ “Liên hệ với chúng tôi”	Label	
6	Button “Xác nhận”	Button	
7	Button “Hủy”	Button	

### 3.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	Ghi chú
1	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống)	Khi người dùng click button “Xác nhận” để đặt mật khẩu mới	
2	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống, phải đúng định dạng của regular expression sau: “^[a-z][a-z0-9_\.]{5,32}@[a-z0-9]{2,}(\.[a-z0-9]{2,4}){1,2}\$”	Khi người dùng click button “Xác nhận” để đặt mật khẩu mới	
3	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống, có ít nhất 8 ký tự, không được chứa khoảng trắng)	Khi người dùng click button “Xác nhận” để đặt mật khẩu mới	
4	Validate kiểm tra chuỗi do guest nhập (không được để trống, phải trùng với text trong textbox [6])	Khi người dùng click button “Xác nhận” để đặt mật khẩu mới	
5	Kiểm tra và lưu mật khẩu mới cho người dùng	Khi người dùng click button “Xác nhận” để đặt mật khẩu mới và sau khi dữ liệu được nhập vào là đúng dẫn theo validate	Xử lý chính
6	Quay lại trang chủ của guest	Khi người dùng click vào button “Hủy”	

### 3.3. Mô tả xử lý

#### 3.3.1. Sơ đồ luồng dữ liệu



#### 3.3.2. Mô tả dữ liệu

D1: Thông tin quên mật khẩu (Họ tên, tên đăng nhập, email, SDT), thông tin đổi mật khẩu (họ tên, tên đăng nhập, mật khẩu mới)

D3: Danh sách KháchHang cũ (Tên đăng nhập, email)

D4: D1

D6: Thông báo đổi mật khẩu thành công hay thất bại

#### 3.3.3. Thuật toán

B1: Nhận D1 từ guest

B2: Mở kết nối csdl

B3: Thực thi proc KiemTraDuLieu trong sql

B4: Truyền dữ liệu trong textbox trên giao diện vào proc KiemTraDuLieu trong sql

B5: Kiểm tra tên đăng nhập và email có trùng không

+ Có: xuống B7

+ Không: thông báo “tài khoản không tồn tại. Vui lòng kiểm tra lại”.

Quay lại B1

B7: Đưa biểu mẫu đổi mật khẩu cho guest, guest cần nhập Họ tên, tên đăng nhập, mật khẩu mới

B8: Nhấn button “Xác nhận”

B9: Cập nhật lại trường mật khẩu (đã mã hóa md5) vào csdl

B10: Đóng kết nối csdl

B11: Kết thúc

#### 4. Giao diện đặt hàng

##### 4.1. Giao diện

**FORM ĐẶT HÀNG**

Sản phẩm

Nhập tên sản phẩm

Vui lòng nhập tên sản phẩm

Số lượng

Nhập số lượng

Vui lòng nhập số lượng sản phẩm  
Vui lòng nhập số lượng vào đây

Thành tiền

Xác nhận

Hủy

1

2

3

4

5

Liên hệ với chúng tôi

Chúng tôi luôn sẵn lòng được phục vụ và hỗ trợ khách hàng. Hãy liên hệ với chúng tôi để được hỗ trợ nhanh nhất (24/7)

##### Mô tả màn hình giao diện

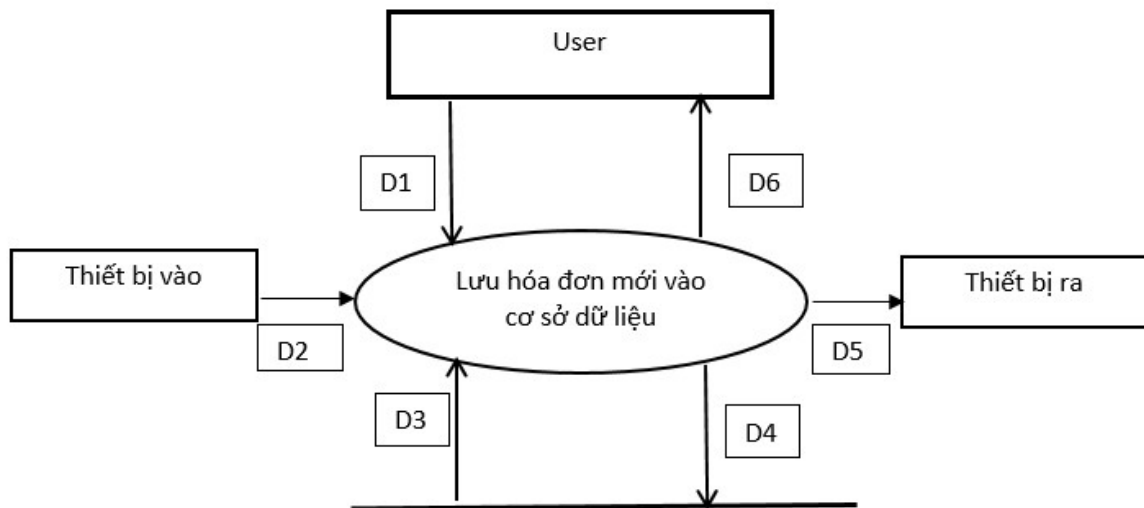
STT	Tên đối tượng	Kiểu	Ghi chú
1	Tiêu đề form “Đặt hàng”	label	
2	Tên textbox “Sản phẩm”	label	
3	Tên textbox “Số lượng”	label	
4	Tên textbox “Thành tiền”	label	
5	Dòng chữ “Liên hệ với chúng tôi”	label	
6	Dòng thông báo “Vui lòng nhập tên đăng nhập”	Thẻ <small>	

## 4.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	Ghi chú
1	Validate kiểm tra chuỗi do user nhập (không được để trống)	Khi người dùng click button “Xác nhận”	
2	Validate kiểm tra chuỗi do user nhập (không được để trống)	Khi người dùng click button “Xác nhận”	
3	Tính tổng tiền và đưa giá trị lên textbox [3]	Khi người dùng click button “Xác nhận” để đặt mật khẩu mới	
4	Lưu hóa đơn mới vào cơ sở dữ liệu	Khi người dùng click button “Xác nhận” và sau khi kiểm tra validate là đúng đắn	Xử lý chính
6	Quay lại trang chủ của guest	Khi người dùng click vào button “Hủy”	

## 4.3. Mô tả xử lý

### 4.3.1. Sơ đồ luồng dữ liệu



[Tb1. KháchHang, SanPham, HoaDon, ChiTietHoaDon]

#### 4.3.2. Mô tả dữ liệu

D1: Thông tin đặt hàng (Tên xe, số lượng), Mã khách hàng

D3: Thông tin sản phẩm được đặt hàng (tên xe, mã xe, đơn giá)

D6: Tổng tiền

D4: D1,D3,D6

#### 4.3.3. Thuật toán

B1: Nhận D1 từ user

B2: Mở kết nối csdl

B3: Lấy D3 từ csdl

B4: Thực thi proc TinhTongHoaDon trong sql để tính toán D6 bằng công thức  $tong = SoLuong * DonGia$

B5: Cập nhật D4 vào csdl. Cụ thể:

+ Cập nhật mã khách hàng tb.HoaDon

+ Tổng tiền cho tb1.HoaDon bằng công thức  $Tong = Sum$  (Select tong from ChiTietHoaDon where MaKhachHang = @MaKhachHang)

+Cập nhật mã xe, số lượng, đơn giá cho tb1.ChiTietHD

B6: Thông báo “Đặt hàng thành công. user có muốn tiếp tục đặt hàng không?”

+Có: quay lại B1

+Không: xuống B7

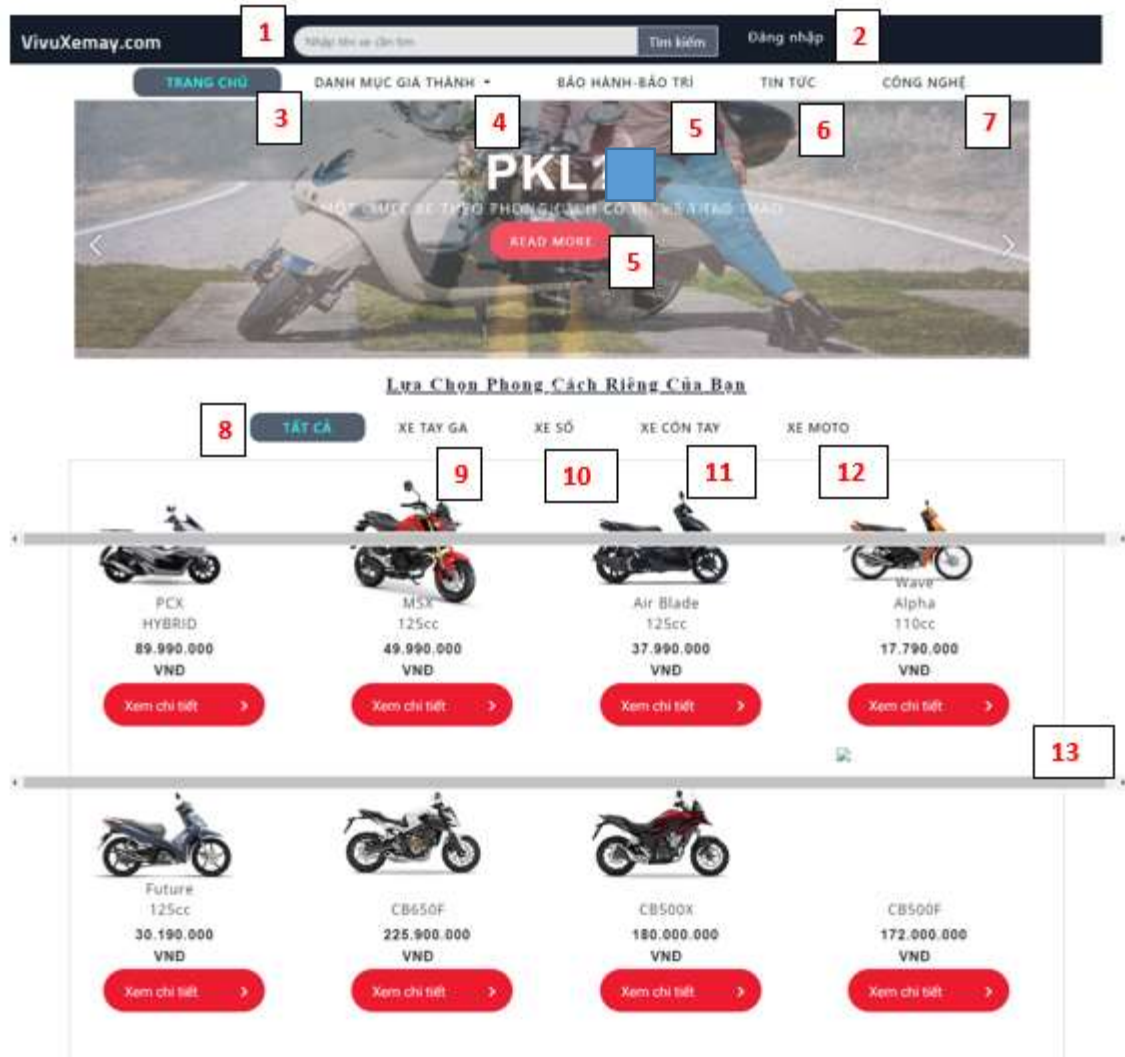
B7: Thoát user, quay về giao diện trang chủ của guest

B8: Đóng kết nối csdl

B9: Kết thúc

## 5. Giao diện trang chủ

### 5.1. Giao diện



### TIN TỨC NỔI BẬT



**HONDA**  
The Power of Dreams

Honda Việt Nam giới thiệu Honda VISION phiên...




Honda Việt Nam công bố Kết quả kinh...

"Trở thành thợ – Lái tuyệt vời" cùng...


Lễ phát động trao tặng Mô...  
Lễ phát động trao tặng Mô bảo hiểm...

Honda Việt Nam công bố kết quả hoạt động kinh doanh 6...


### NHẬN XÉT CỦA KHÁCH HÀNG




Quang Hải



☐ Rất hài lòng về chất lượng sản phẩm mua tại cửa hàng. Có nhiều ưu đãi hấp dẫn, nhân viên phục vụ chu đáo ☐



Tiến Dũng



☐ Rất hài lòng về chất lượng sản phẩm mua tại cửa hàng. Có nhiều ưu đãi hấp dẫn, nhân viên phục vụ chu đáo ☐



274 Bình Tân  
Tp. Hồ Chí Minh

+84(0)123 456789

+84(0)123 456789

cuahangxemayNL@gmail.com  
cuahangxemayNL@gmail.com

### Liên hệ với chúng tôi

Vivuxemay luôn sẵn sàng được phục vụ quý khách. Liên hệ với chúng tôi để biết thêm thông tin chi tiết.

SUBSCRIBE

© 2018 VIVUXEMAY. All Rights Reserved | Design by [Layouts](#)



### Mô tả màn hình giao diện

STT	Tên đối tượng	Kiểu	Ghi chú
1	Tên trang web “Vivuxemay.com”	Label	
2	Khung tìm kiếm	Textbox	
3	Button “Tìm kiếm”	button	
4	Đăng nhập	Thẻ <a>	
5	Trang chủ	Thẻ <a>, button	
6	Danh mục giá thành	Thẻ <a>, button	
7	Tin tức	Thẻ <a>, button	
8	Công nghệ	Thẻ <a>, button	
9	Lựa chọn phong cách riêng của bạn	label	
10	Slide hình ảnh	Thẻ <div>	
11	Tất cả	Thẻ <a>, button	
12	Xe tay ga	Thẻ <a>, button	
13	Xe côn tay	Thẻ <a>, button	
14	Xe mô tô	Thẻ <a>, button	
15	Xem chi tiết	Thẻ <a>, button	
16	Thông tin về giá thành, tên sản phẩm	Thẻ <p>	
17	Hình ảnh sản phẩm	image	

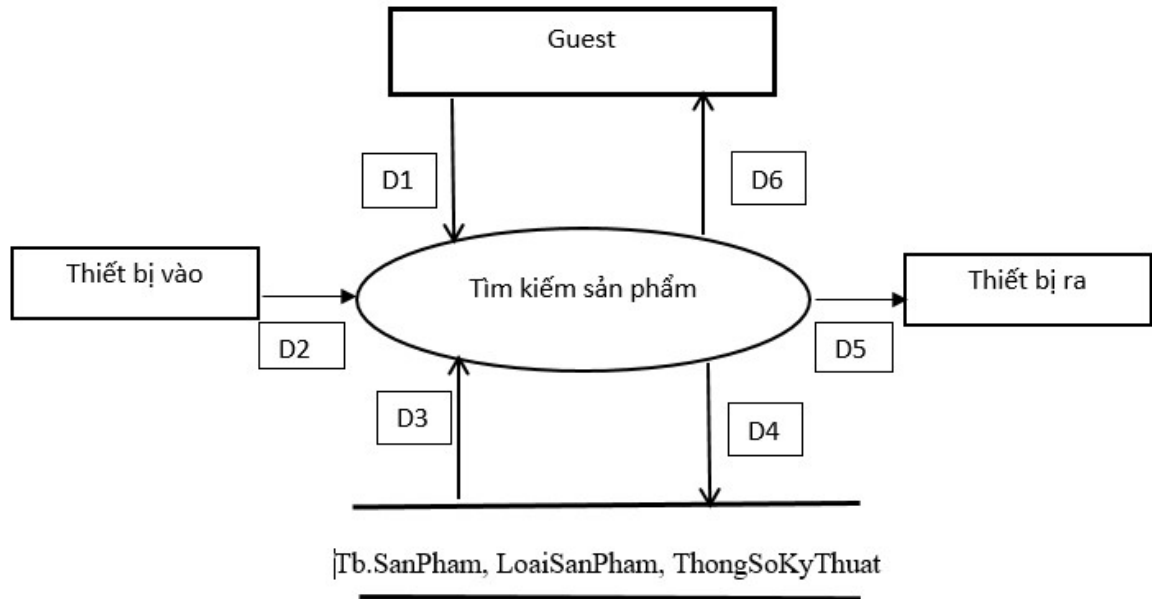
### 5.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	Ghi chú
1	Tìm kiếm sản phẩm theo tên	Guest click button “Tìm kiếm”	Xử lý chính
2	Đi đến trang đăng nhập	Guest click vào link “Đăng nhập”	
3	Đi đến trang chủ	Guest click button “trang chủ”	
4	Mở menu phân loại xe theo giá	Guest click button “Danh mục giá thành”	
5	Đi đến trang “Bảo hành-Bảo trì”	Guest click button “Bảo hành-Bảo trì”	
6	Đi đến trang “Tin tức”	Guest click button “Tin tức”	
7	Đi đến trang “Công nghệ”	Guest click button “Công nghệ”	
8	Đi đến trang chủ	Guest click button “Tất cả”	
9	Đi đến trang “Xe tay ga”	Guest click button “Xe tay ga”	
10	Đi đến trang “Xe số”	Guest click button “Xe số”	
11	Đi đến trang “Xe côn tay”	Guest click button “Xe côn tay”	
12	Đi đến trang “Xe mô tô”	Guest click button “Xe mô tô”	
13	Đi đến trang “Xem chi tiết thông tin xe”	Guest click button “Xem chi tiết”	

14	Đi đến trang “Xem chi tiết tin tức”	Guest click vào link dưới hình ảnh	
----	-------------------------------------	------------------------------------	--

### 5.3. Mô tả xử lý

#### 5.3.1. Sơ đồ luồng dữ liệu



#### 5.3.2. Mô tả dữ liệu

D1: Tên sản phẩm, tên sản phẩm cụ thể

D3: Danh sách tên sản phẩm gần đúng, thông tin đầy đủ của sản phẩm

D6: D3

#### 5.3.3. Thuật toán

B1: Đưa biểu mẫu tìm kiếm (BM\_TimKiemSP) cho guest

B2: Nhận D1 từ guest

B3: Mở kết nối csdl

B4: Lấy danh sách tên sản phẩm gần giống D1

B5: Trả danh sách tên sản phẩm gần giống D1 ở B4 lên BM\_TimKiemSP

B6: Nhận từ guest tên chính xác của sản phẩm

B7: Lấy thông tin đầy đủ của đúng sản phẩm nhận được ở B6 gồm: tên xe, giá thành, các thông số kỹ thuật, hình ảnh

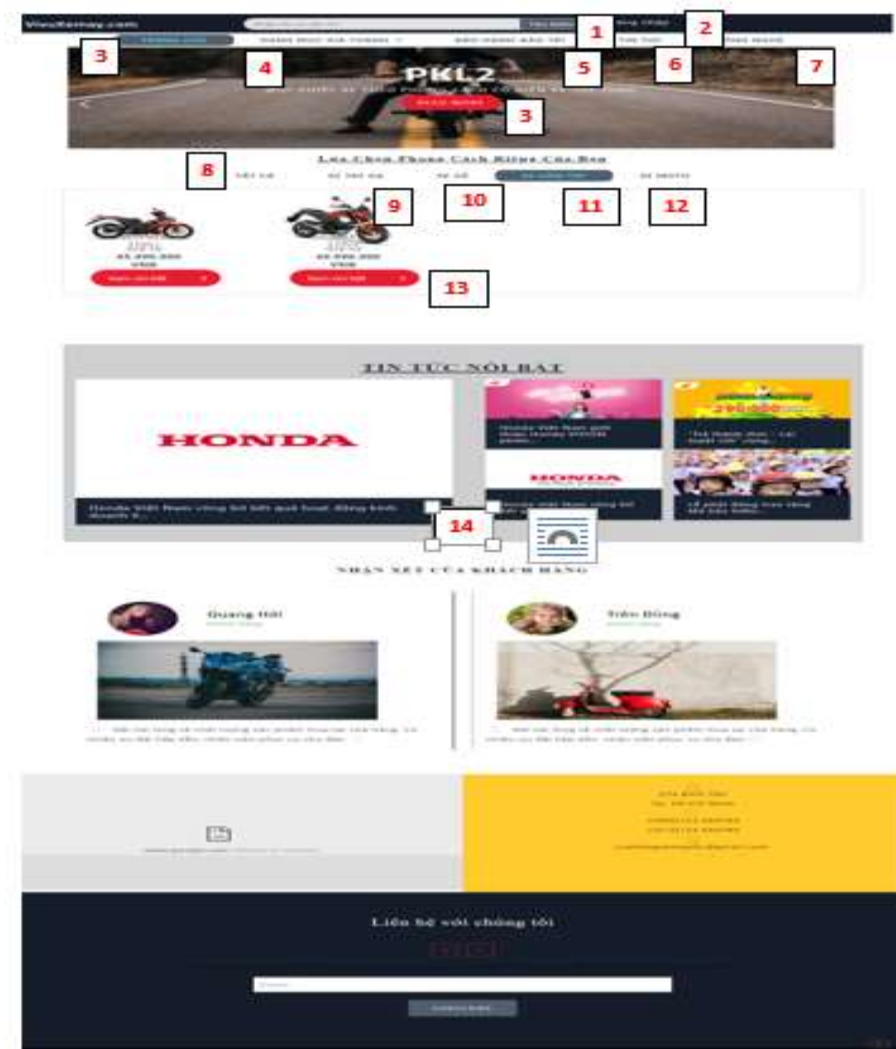
B8: Đưa thông tin ở B7 lên biểu mẫu

B9: Đóng kết nối csdl

B10: Kết thúc

## 6. Giao diện xem sản phẩm theo phân loại (ví dụ: giao diện trang “Xe côn tay”)

### 6.1. Giao diện

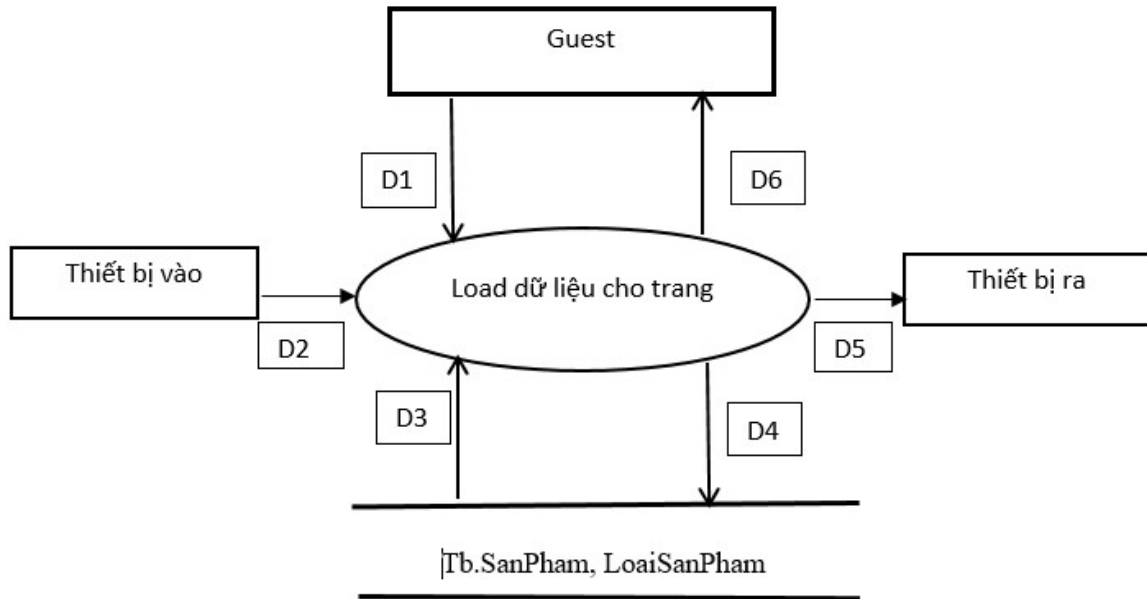


## 6.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	Ghi chú
1	Tìm kiếm sản phẩm theo tên	Guest click button “Tìm kiếm”	
2	Đi đến trang đăng nhập	Guest click vào link “Đăng nhập”	
3	Đi đến trang chủ	Guest click button “trang chủ”	
4	Mở menu phân loại xe theo giá	Guest click button “Danh mục giá thành”	
5	Đi đến trang “Bảo hành-Bảo trì”	Guest click button “Bảo hành-Bảo trì”	
6	Đi đến trang “Tin tức”	Guest click button “Tin tức”	
7	Đi đến trang “Công nghệ”	Guest click button “Công nghệ”	
8	Đi đến trang chủ	Guest click button “Tất cả”	
9	Đi đến trang “Xe tay ga”	Guest click button “Xe tay ga”	
10	Đi đến trang “Xe số”	Guest click button “Xe số”	
11	Load dữ liệu cho trang “xe côn tay”	Guest click button “Xe côn tay”	Xử lý chính
12	Đi đến trang “Xe mô tô”	Guest click button “Xe mô tô”	
13	Đi đến trang “Xem chi tiết thông tin xe”	Guest click button “Xem chi tiết”	
14	Đi đến trang “Xem chi tiết tin tức”	Guest click vào link dưới hình ảnh	

### 6.3. Mô tả xử lý

#### 6.3.1. Sơ đồ luồng dữ liệu



#### 6.3.2. Mô tả dữ liệu

D1: Tên loại sản phẩm

D3: Danh sách sản phẩm theo phân loại

D6: D3

#### 6.3.3. Thuật toán

B2: Nhận D1 từ guest

B3: Mở kết nối csdl

B4: Tìm trong bảng LoaiSanPham mã loại có tên loại như D1

B5: Lấy danh sách sản phẩm theo D1 (D3)

+ Tìm trong bảng SanPham những sản phẩm có mã loại như mã loại lấy được ở B4

+ Lấy từ bảng SanPham những thông tin về SanPham như trong giao diện

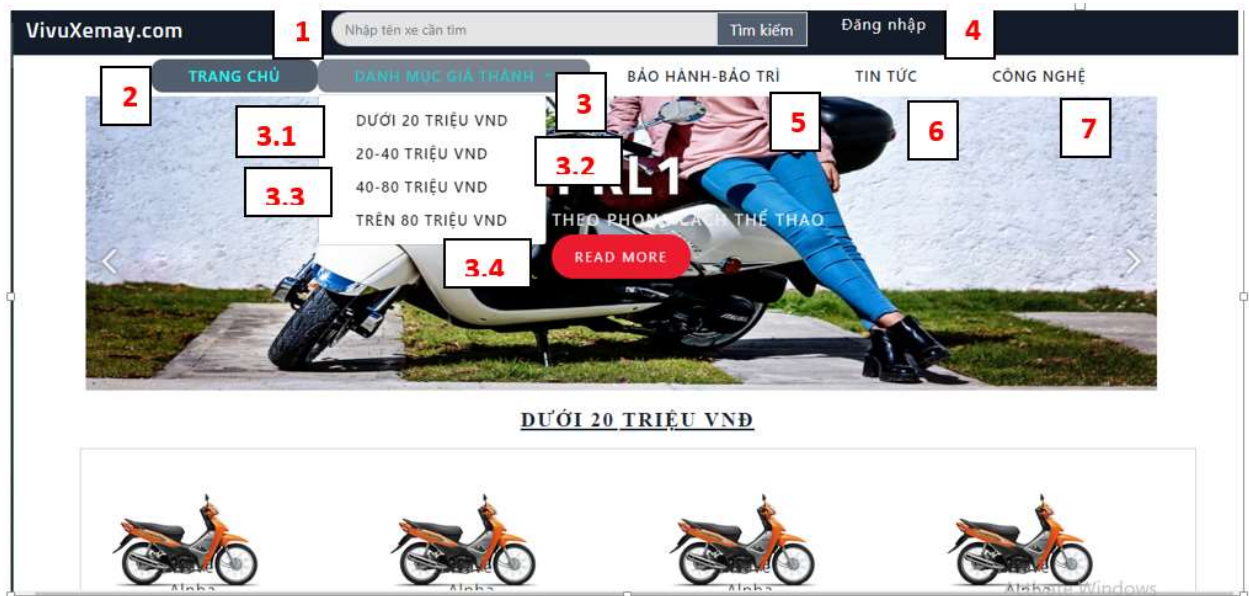
B6: Trả D3 lên BM\_XemSPTPL cho guest

B7: Đóng kết nối csdl

B8: Kết thúc

## 7. Giao diện xem sản phẩm theo phân loại giá thành

### 7.1. Giao diện

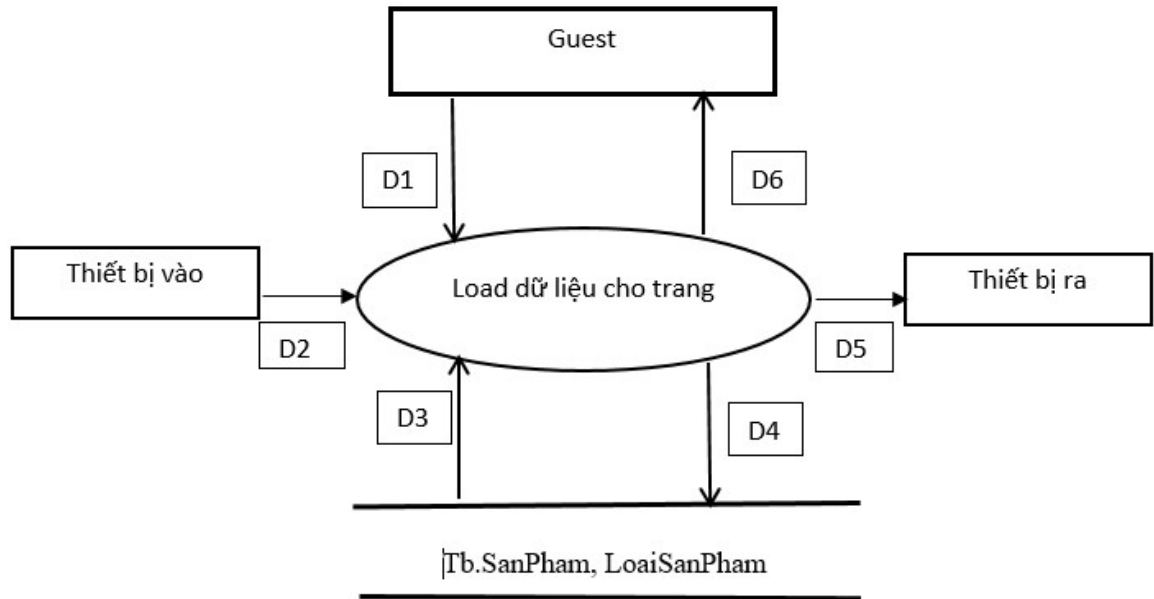


### 7.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	Ghi chú
1	Tìm kiếm sản phẩm theo tên	Guest click button “Tìm kiếm”	
2	Đi đến trang chủ	Guest click button “trang chủ”	
3	Mở menu phân loại xe theo giá	Guest click button “Danh mục giá thành”	
3.1	Đi đến trang “Xe dưới 20 triệu” và load dữ liệu cho trang	Guest click vào button “Dưới 20 triệu VNĐ”	
3.2	Đi đến trang “Xe 20-40 triệu” và load dữ liệu cho trang	Guest click vào button “20-40 triệu VNĐ”	
3.3	Đi đến trang “Xe 40-80 triệu” và load dữ liệu cho trang	Guest click vào button “40-80 triệu VNĐ”	
3.4	Đi đến trang “Xe trên 80 triệu” và load dữ liệu cho trang	Guest click vào button “trên 80 triệu VNĐ”	
4	Đi đến trang đăng nhập	Guest click vào link “Đăng nhập”	
5	Đi đến trang “Bảo hành-Bảo trì”	Guest click button “Bảo hành-Bảo trì”	
6	Đi đến trang “Tin tức”	Guest click button “Tin tức”	
7	Đi đến trang “Công nghệ”	Guest click button “Công nghệ”	

### 7.3. Mô tả xử lý

#### 7.3.1. Sơ đồ luồng dữ liệu



#### 7.3.2. Mô tả dữ liệu

D1: Tên loại sản phẩm

D3: Danh sách sản phẩm theo phân loại

D6: D3

#### 7.3.3. Thuật toán

B2: Nhận D1 từ guest

B3: Mở kết nối csdl

B4: Lấy danh sách sản phẩm theo D1 (D3)

+ Tìm trong bảng SanPham những sản phẩm có giá như D1

+ Lấy từ bảng SanPham những thông tin về SanPham như trong giao diện

B5: Trả D3 lên BM\_XemSPTPL cho guest

B6: Đóng kết nối csdl

B7: Kết thúc

## 8. Giao diện xe chi tiết sản phẩm

### 8.1. Giao diện

**VivuXemay.com**

1. [Trang chủ](#) 2. [Đăng nhập](#) 3. [Danh mục giá thành](#) 4. [Bảo hành - Bảo trì](#) 5. [Tin tức](#) 6. [Đăng ký](#)

**MSX 125CC**

**Thông số kỹ thuật**

Khối lượng bản thân	104 kg
Khả năng vận hành xe	1.199mm
Dung tích bình xăng	5.7 lít
Kích cỡ lốp trước/ sau	Trước: 125/70-12 31, Không sảm Sau: 130/70-12 38, Không sảm
Pháo trước	Giảm tốc hành trình người
Loại động cơ	POM-4, 4 kỳ, 2 van, 4-125cc, 4 kỳ, 4 van, 4-125cc
Đường kính x hành trình pit-tông	52.4mm x 57.5mm
Hiệu suất	6.8 kW/7.000 vòng/phút
Công suất tối đa	10.6 Nm/5.500 vòng/phút
Mô-men xoắn đại	0.9 lít khí thay dầu
Dung tích nhớt máy	1.1 lít khí thay dầu
Loại truyền động	Các tay 4 số
Hệ thống khởi động	Điện

**8**

[QC] Honda Việt Nam giới thiệu xe côn tay MSX 125cc phiên bản mới

Vào năm 2014, Honda tự hào đưa mẫu xe mới nhất MSX 125cc toàn cầu thỏa hưởng không gian của xe "khí" và Việt Nam với kỳ vọng mang đến một sự hưởng...

**9**

**CHỌN MUA** Mua Raider Ft 150 hay MSX 125 2018

...phần khác giá từ 50 đến 60% cơ hội xem thêm các mẫu xe khác là raider với mức giá đang giảm dần, không biết có anh em nào chạy qua hai con này rồi...

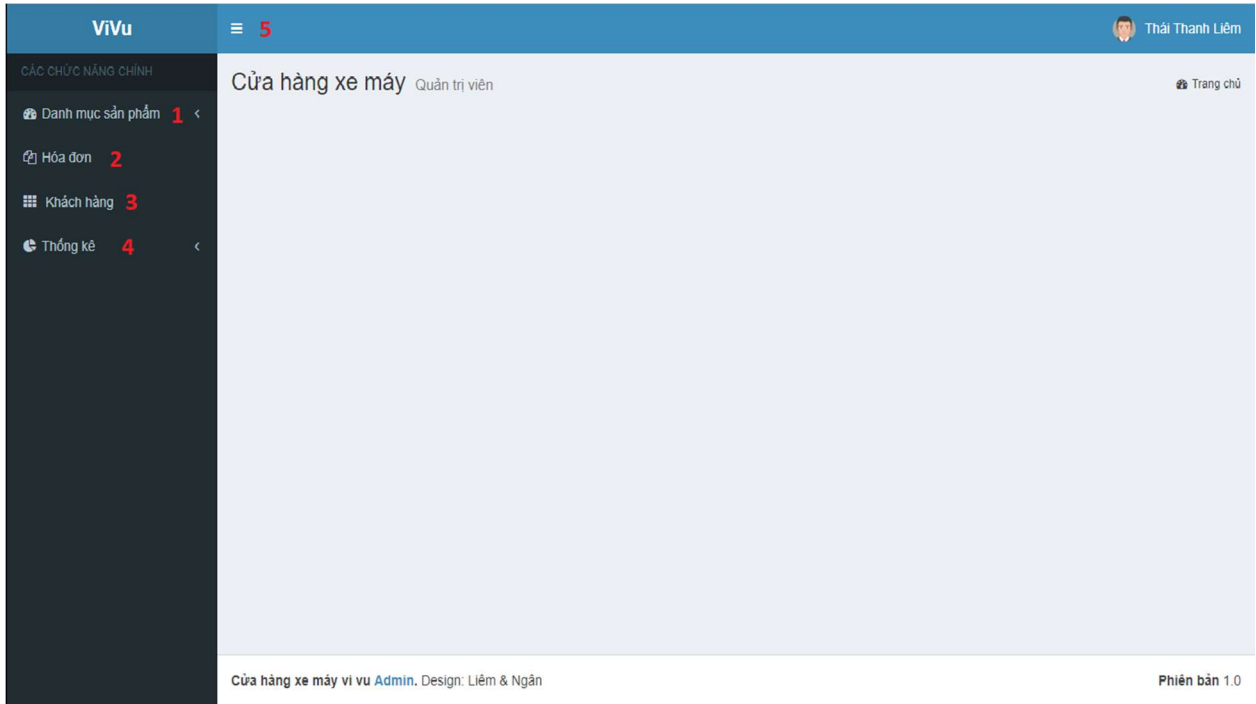


## 8.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	Ghi chú
1	Tìm kiếm sản phẩm theo tên	Guest click button “Tìm kiếm”	
2	Đi đến trang đăng nhập	Guest click vào link “Đăng nhập”	
3	Đi đến trang chủ	Guest click button “trang chủ”	
4	Mở menu phân loại xe theo giá	Guest click button “Danh mục giá thành”	
5	Đi đến trang “Bảo hành-Bảo trì”	Guest click button “Bảo hành-Bảo trì”	
6	Đi đến trang “Tin tức”	Guest click button “Tin tức”	
7	Đi đến trang “Công nghệ”	Guest click button “Công nghệ”	
8	Chọn hình ảnh khác để làm ảnh chính trên slide	Guest click vào ảnh	
9	Đi đến trang tin liên quan	Guest click vào liên kết phía dưới tiêu đề tin	

## 9. Trang chủ admin

### 9.1. Giao diện



Mô tả màn hình giao diện

STT	Tên	Kiểu	Ghi chú
1	Danh mục sản phẩm	Lable	
2	Hóa đơn	Lable	
3	Khách hàng	Lable	
4	Thống kê	Lable	
5	Nút thu nhỏ	Button	

### 9.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn	
3	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng	
4	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thống kê	

5	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
---	--------------------	--	--

### 9.3. Mô tả xử lý:

Phần này không có xử lý chính.

## 10. Xem loại sản phẩm:

### 10.1. Giao diện

The screenshot displays the ViVu web application interface. The top navigation bar is blue with the ViVu logo and a user profile icon for Thái Thanh Liêm. The left sidebar is dark blue with white text for navigation links: "Danh mục sản phẩm 1", "Loại sản phẩm 1.1", "Sản phẩm 1.2", "Thông số kỹ thuật 1.3", "Nhập hàng 1.4", "Hóa đơn 2", "Khách hàng 3", and "Thống kê 4". The main content area is light blue and titled "Cửa hàng xe máy" with a subtitle "Quản trị viên". It features a red heading "Bảng phân loại xe" above a table with two columns: "Mã loại" and "Tên loại". The table contains three rows of data:

Mã loại	Tên loại
maloi01	Xe tay ga
maloi02	Xe số
maloi03	Xe phân khối lớn

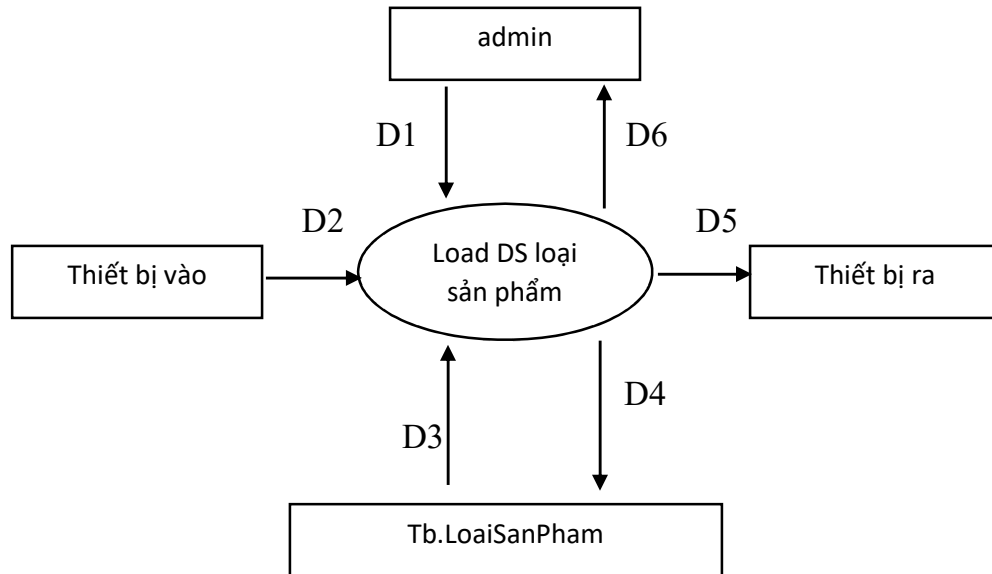
The footer of the page is light blue and contains the text "Cửa hàng xe máy vi vu Admin. Design: Liêm & Ngân" and "Phiên bản 1.0".

## 10.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến loại sản phẩm	Click chuột trái vào [1.1] để mở ra trang loại sản phẩm như giao diện trên	
3	Đi đến sản phẩm	Click chuột trái vào [1.2] để mở ra trang quản lý sản phẩm	
4	Đi đến thông số kỹ thuật	Click chuột trái vào [1.3] để mở ra trang quản lý thông số kỹ thuật	
5	Đi đến nhập hàng	Click chuột trái vào [1.4] để mở ra trang quản lý nhập hàng	
6	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn	
7	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng	
8	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thống kê	
9	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
10	Trở về trang chủ	Click chuột vào ‘ Trang chủ ’ kế bên [6] để trở về giao diện trang chủ	

### 10.3. Mô tả xử lý

#### 10.3.1. Nghiệp vụ load danh sách loại sản phẩm:



#### 10.3.2. Mô tả dữ liệu

- D1: thông tin mã loại ,tên loại
- D2: không có
- D3 : thông tin mã loại, tên loại
- D4: không có
- D5: không có
- D6 : thông tin mã loại , tên loại

#### 10.3.3. Thuật toán

- B1: Nhận biểu mẫu từ D1 truyền xuống
- B2: mở kết nối CSDL
- B3: lấy thông tin của loại sản phẩm: mã loại , tên loại .
- B4: Đưa thông tin lấy được ở B3 cho vào biểu mẫu truyền xuống
- B5: Đưa thông tin vừa lấy được lên màn hình admin
- B6: đóng CSDL
- B7: kết thúc.

## 11. Quản lý sản phẩm

### 11.1. Giao diện

ViVu

CÁC CHỨC NĂNG CHÍNH

Danh mục sản phẩm 1

Loại sản phẩm 1.1

Sản phẩm 1.2

Thông số kỹ thuật 1.3

Nhập hàng 1.4

Hóa đơn 2

Khách hàng 3

Thống kê 4

5

Thái Thanh Liêm

Cửa hàng xe máy Quản trị viên

6 Trang chủ > Sản phẩm

Bảng danh sách sản phẩm

Q

Tìm 8

7

+ Thêm

Mã xe máy	Tên xe máy	Số lượng	Giá xe	Xem chi tiết	Xóa sản phẩm
xemay01	Exeter150	10	59 triệu	<div>Xem 9</div>	<div>Xóa</div>
xemay01	Exeter150	10	59 triệu	<div>Xem</div>	<div>Xóa 10</div>
xemay01	Exeter150	10	59 triệu	<div>Xem</div>	<div>Xóa</div>
xemay01	Exeter150	10	59 triệu	<div>Xem</div>	<div>Xóa</div>
xemay01	Exeter150	10	59 triệu	<div>Xem</div>	<div>Xóa</div>
xemay01	Exeter150	10	59 triệu	<div>Xem</div>	<div>Xóa</div>
xemay01	Exeter150	10	59 triệu	<div>Xem</div>	<div>Xóa</div>

localhost:8505/webxemay\_Admin/SanPham.jsp

Design: Liêm & Ngân

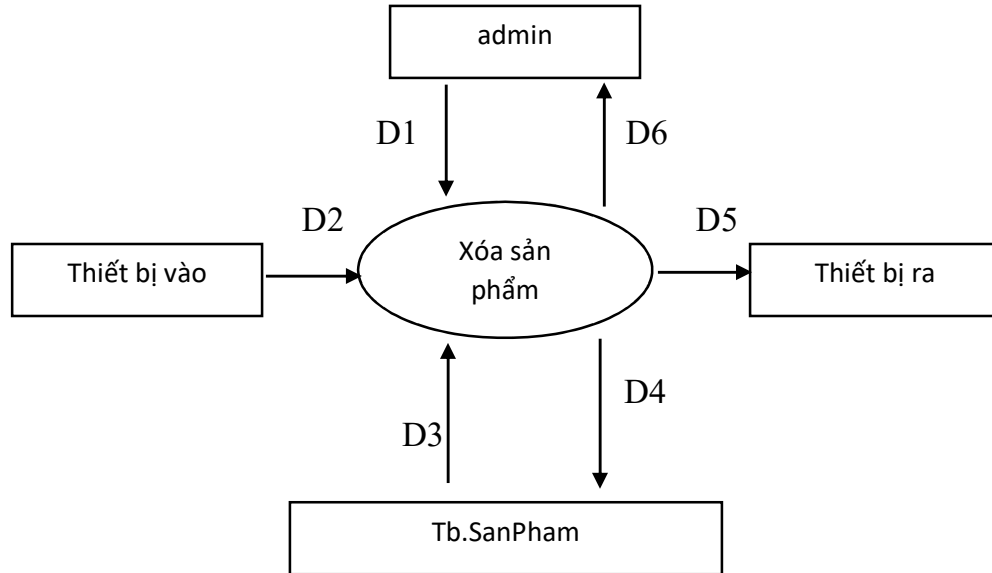
Phiên bản 1.0

### 11.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến loại sản phẩm	Click chuột trái vào [1.1] để mở ra trang loại sản phẩm	
3	Đi đến sản phẩm	Click chuột trái vào [1.2] để mở ra trang quản lý sản phẩm như giao diện trên	
4	Đi đến thông số kỹ thuật	Click chuột trái vào [1.3] để mở ra trang quản lý thông số kỹ thuật	
5	Đi đến nhập hàng	Click chuột trái vào [1.4] để mở ra trang quản lý nhập hàng	
6	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn	
7	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng	
8	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thống kê	
9	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
10	Trở về trang chủ	Click chuột vào ‘ Trang chủ ’ kế bên [6] để trở về giao diện trang chủ	
11	Đi đến trang thêm sản phẩm	Click chuột trái vào [7] để đi đến trang thêm sản phẩm.	
12	Tìm kiếm sản phẩm theo tên	Gõ tên sản phẩm vào textbox [8] để lọc ra các sản phẩm có tên giống hoặc gần giống.	
13	Xem chi tiết sản phẩm	Click vào nút xem để xem chi tiết sản phẩm	
14	Xóa sản phẩm	Click vào nút xóa [10] để xóa sản phẩm	

### 11.3. Mô tả xử lý

#### 11.3.1. Nghiệp vụ xóa sản phẩm



#### 11.3.2. Mô tả dữ liệu

- D1: thông tin mã sản phẩm
- D2: không có
- D3 : thông tin mã sản phẩm ,tên sản phẩm, trạng thái trong bảng SanPham
- D4: thông tin mã sản phẩm
- D5: không có
- D6 : không có

#### 11.3.3. Thuật toán

- B1: đưa biểu mẫu lên D6
- B2: nhận mã sản phẩm cần xóa từ D1
- B3: mở kết nối CSDL
- B4: tìm sản phẩm có mã sản phẩm đã truyền xuống đánh dấu vào trạng thái = 1 (0 là chưa xóa, 1 là đã xóa)
- B5: load lại danh sách sản phẩm và ẩn đi những sản phẩm có trạng thái =1 (đây là bước xóa ảo để khi truy lại dữ liệu sẽ ko bị mất)
- B6: đóng CSDL
- B7: kết thúc.



## 12. Quản lý thông số kỹ thuật

### 12.1. Giao diện

The screenshot displays the ViVu admin interface. The sidebar on the left contains the following menu items:

- CÁC CHỨC NĂNG CHÍNH
- Danh mục sản phẩm 1
- Loại sản phẩm 1.1
- Sản phẩm 1.2
- Thông số kỹ thuật 1.3
- Nhập hàng 1.4
- Hóa đơn 2
- Khách hàng 3
- Thống kê 4

The main header shows the user profile "Thái Thanh Liêm" and a notification bell icon.

The main content area is titled "Cửa hàng xe máy" and "Quản trị viên". It features a search bar with the text "Tìm" and a "+ Thêm" button. Below the search bar is a table titled "Bảng danh sách thông số kỹ thuật".

Mã TSKT	Tên xe máy	Xem chi tiết	Xóa
maTSKT01	Rebel 300	Xem 9	Xóa 10
maTSKT02	Rebel 125	Xem	Xóa
maTSKT03	Rebel 500	Xem	Xóa

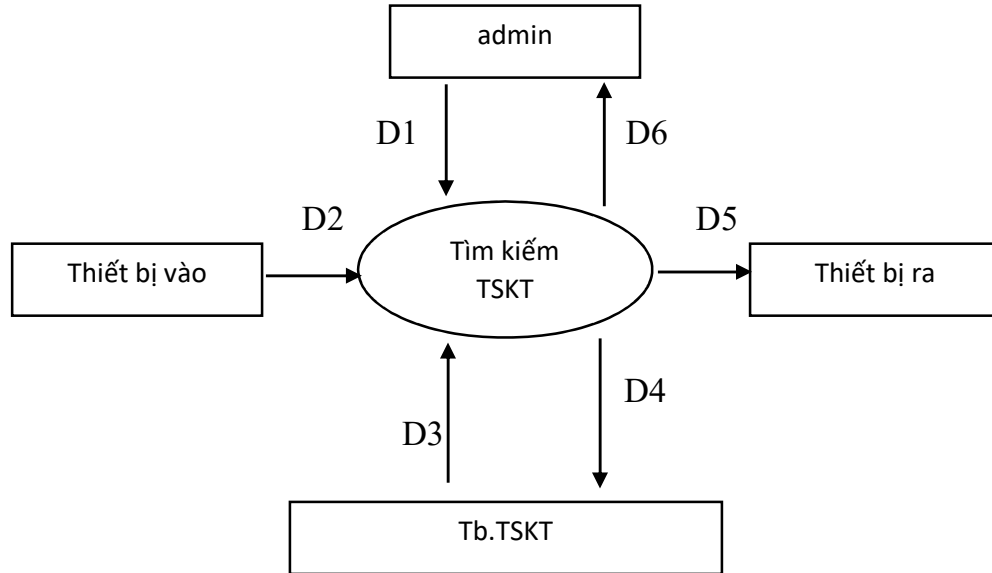
The footer of the interface includes the text "Cửa hàng xe máy vi vu Admin. Design: Liêm & Ngân" and "Phiên bản 1.0".

## 12.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến loại sản phẩm	Click chuột trái vào [1.1] để mở ra trang loại sản phẩm	
3	Đi đến sản phẩm	Click chuột trái vào [1.2] để mở ra trang quản lý sản phẩm	
4	Đi đến thông số kỹ thuật	Click chuột trái vào [1.3] để mở ra trang quản lý thông số kỹ thuật như giao diện trên	
5	Đi đến nhập hàng	Click chuột trái vào [1.4] để mở ra trang quản lý nhập hàng	
6	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn	
7	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng	
8	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thống kê	
9	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
10	Trở về trang chủ	Click chuột vào ‘ Trang chủ’ kế bên [6] để trở về giao diện trang chủ	
11	Đi đến trang thêm TSKT	Click chuột trái vào [7] để đi đến trang thêm thông số kỹ thuật	
12	Tìm kiếm TSKT theo tên xe	Gõ tên xe vào textbox [8] để lọc ra các thông số kỹ thuật có tên xe giống hoặc gần giống.	
13	Xem chi tiết TSKT	Click vào nút xem để xem chi tiết thông số kỹ thuật	
14	Xóa TSKT	Click vào nút xóa [10] để xóa thông số kỹ thuật	

### 12. 3. Mô tả xử lý

#### 12.3.1. Nghiệp vụ tìm kiếm TSKT cho xe:



#### 12.3.2. Mô tả dữ liệu

- D1: thông tin tên xe
- D2: không có
- D3 : thông tin mã TSKT ,tên xe, trọng lượng,kích thước lớp trước , kích thước lớp sau, dung tích bình xăng , dung tích xy lanh, công suất tối đa, tỷ số nén, hệ thống khởi động,dung tích nhớt máy trong bảng TSKT.
- D4: không có
- D5: không có
- D6 : như D3

#### 12.3.3. Thuật toán

- B1: truyền biểu mẫu lên D6
- B2: nhận thông tin tên xe từ D1
- B3: mở kết nối CSDL
- B4: lọc chọn thông số kỹ thuật của tên xe đã được D1 đưa xuống
- B5: đưa thông số kỹ thuật chọn ở B4 lên biểu mẫu cho admin
- B6: Đóng CSDL
- B7: Kết thúc.

## 13. Quản lý nhập hàng

### 13.1. Giao diện

The screenshot displays the ViVu web application interface. On the left is a dark sidebar with a menu of functions: 'Danh mục sản phẩm' (1), 'Loại sản phẩm' (1.1), 'Sản phẩm' (1.2), 'Thông số kỹ thuật' (1.3), 'Nhập hàng' (1.4), 'Hóa đơn' (2), 'Khách hàng' (3), and 'Thống kê' (4). The main content area is titled 'Cửa hàng xe máy' and 'Quản trị viên'. It features a search bar with the placeholder 'Tìm' and a '+ Thêm' button. Below the search bar is a table with the following data:

Mã phiếu	Tên sản phẩm	Ngày nhập phiếu	Xem chi tiết	Xóa sản phẩm
madon01	Exeter 150	24/05/2018	<a href="#">Xem</a>	<a href="#">Xóa</a>

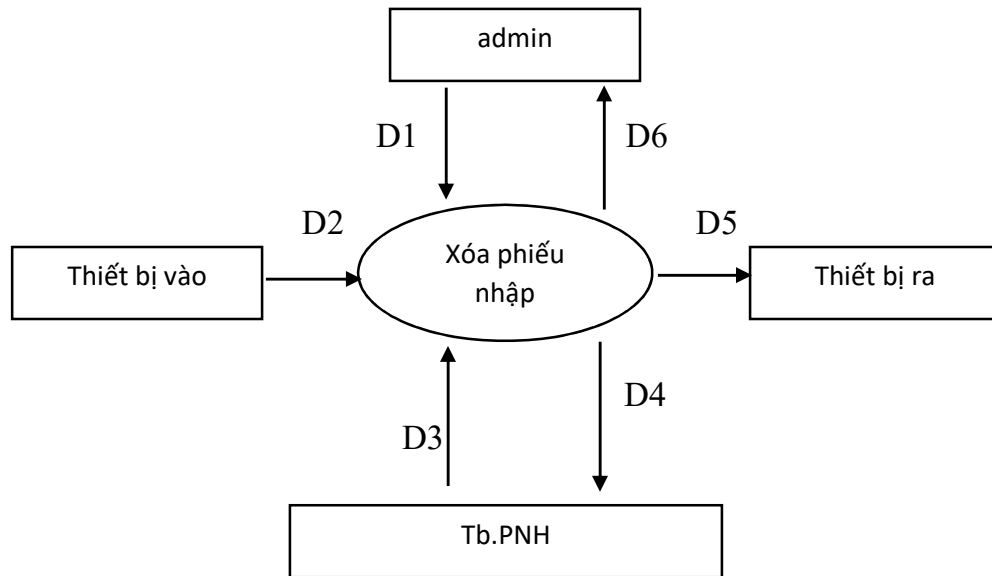
At the bottom of the page, there is a footer with the text 'Cửa hàng xe máy vi vu Admin. Design: Liem & Ngan' and 'Phiên bản 1.0'.

### 13.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến loại sản phẩm	Click chuột trái vào [1.1] để mở ra trang loại sản phẩm	
3	Đi đến sản phẩm	Click chuột trái vào [1.2] để mở ra trang quản lý sản phẩm	
4	Đi đến thông số kỹ thuật	Click chuột trái vào [1.3] để mở ra trang quản lý thông số kỹ thuật	
5	Đi đến nhập hàng	Click chuột trái vào [1.4] để mở ra trang quản lý nhập hàng như giao diện trên	
6	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn	
7	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng	
8	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thống kê	
9	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
10	Trở về trang chủ	Click chuột vào ‘ Trang chủ’ kế bên [6] để trở về giao diện trang chủ	
11	Đi đến trang thêm phiếu nhập	Click chuột trái vào [7] để đi đến trang thêm phiếu nhập	
12	Tìm kiếm phiếu theo tên xe	Gõ tên xe vào textbox [8] để lọc ra các phiếu nhập có tên xe giống hoặc gần giống.	
13	Xem chi tiết phiếu nhập	Click vào nút xem để xem chi tiết phiếu nhập	
14	Xóa phiếu nhập	Click vào nút xóa [10] để xóa phiếu nhập	

### 13.3. Mô tả xử lý

#### 13.3.1. Nghiệp vụ xóa phiếu nhập



#### 13.3.2. Mô tả dữ liệu

- D1: thông tin mã phiếu
- D2: không có
- D3 : thông tin mã phiếu, tên sản phẩm, ngày lập phiếu , giá nhập ,số lượng, trạng thái trong bảng PNH
- D4: như D4
- D5: không có
- D6 : không có

#### 13.3.3. Thuật toán


- B1: đưa biểu mẫu lên D6
- B2: lấy thông tin mã phiếu từ D1
- B3: mở kết nối CSDL
- B4: tìm phiếu có mã phiếu đã đc chọn và gán trạng thái =1
- B5: load lại danh sách phiếu và ẩn đi những phiếu đã được xóa
- B6: đóng CSDL
- B7: Kết thúc.

## 14. Quản lý hóa đơn

### 14.1. Giao diện

ViVu

5


Thái Thanh Liêm

CÁC CHỨC NĂNG CHÍNH

Danh mục sản phẩm 1

Hóa đơn 2

Khách hàng 3

Thống kê 4

Cửa hàng xe máy Quản trị viên

6 Trang chủ > Hóa đơn

Bảng danh sách sản phẩm

Q Tím

8

7 + Thêm

Mã đơn hàng	Người đặt hàng	Tên sản phẩm	Số lượng	Tổng tiền	Trạng thái thanh toán	Xem chi tiết	Xóa sản phẩm
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán 11	Xem 9	Xóa
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán	Xem	Xóa 10
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán	Xem	Xóa
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán	Xem	Xóa
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán	Xem	Xóa
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán	Xem	Xóa
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán	Xem	Xóa
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán	Xem	Xóa
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán	Xem	Xóa
madon01	Anh A	Exeter150	1	59000000	Thanh toán	Xem	Xóa

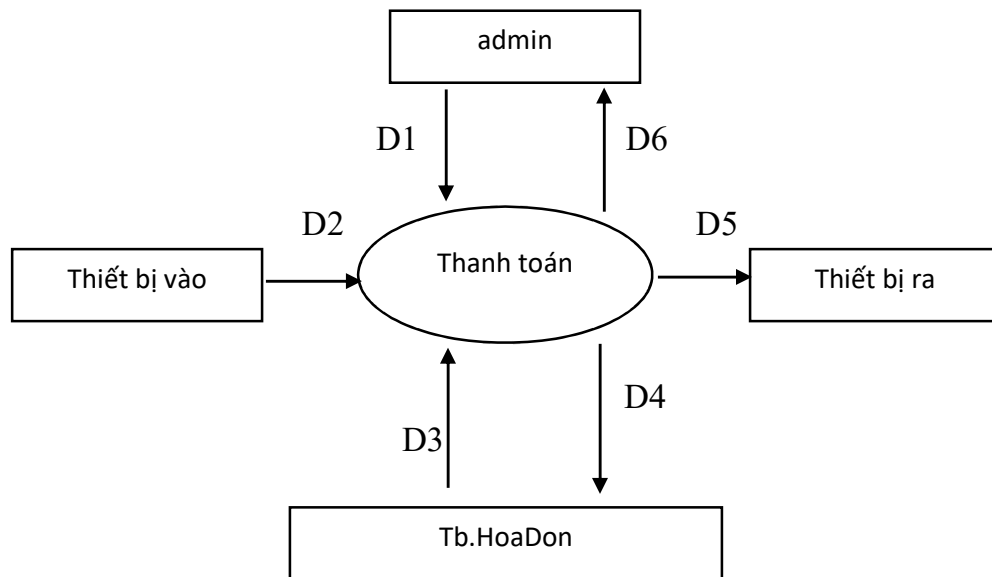
#### 14.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn như giao diện trên	
3	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng	
4	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thống kê	
5	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
6	Trở về trang chủ	Click chuột vào ‘ Trang chủ’ kế bên [6] để trở về giao diện trang chủ	
7	Đi đến trang thêm hóa đơn	Click chuột trái vào [7] để đi đến trang thêm hóa đơn	
8	Tìm kiếm hóa đơn theo tên khách hàng	Gõ tên xe vào textbox [8] để lọc ra các thông số kỹ thuật có tên xe giống hoặc gần giống.	
9	Xem chi tiết hóa đơn	Click vào nút xem để xem chi tiết hóa đơn	
10	Xóa hóa đơn	Click vào nút xóa [10] để xóa hóa đơn	
11	Xác nhận thanh toán hóa đơn	Click vào nút “Thanh toán” [11] để xác nhận thanh toán hóa đơn	



### 14.3. Mô tả xử lý

#### 14.3.1. Nghiệp vụ thanh toán



#### 14.3.2. Mô tả dữ liệu

- D1: thông tin mã hóa đơn
- D2: không có
- D3 : thông tin mã hóa đơn, tên sản phẩm, ngày lập, tổng tiền, thanh toán, trạng thái trong bảng PNH
- D4: như D3
- D5: không có
- D6 : không có

#### 14.3.3. Thuật toán

- B1: đưa biểu mẫu lên D6
- B2: lấy thông tin mã hóa đơn
- B3: mở kết nối CSDL
- B4: tìm hóa đơn có mã hóa đơn như D1 và gán thanh toán = 1 (=0 là chưa thanh toán, =1 là đã thanh toán)
- B5: load lại danh sách hóa đơn và cập nhật trạng thái thanh toán cho admin
- B6: đóng CSDL
- B7: kết thúc.

## 15. Khách hàng

### 15.1. Giao diện

The screenshot displays the ViVu admin interface. The sidebar on the left contains navigation links: "Danh mục sản phẩm" (1), "Hóa đơn" (2), "Khách hàng" (3), and "Thống kê" (4). The main content area is titled "Cửa hàng xe máy" and "Quản trị viên". It features a search bar and a table of customers. The table has columns for "Mã khách hàng", "Tên khách hàng", "tên đăng nhập", "mật khẩu", "Địa chỉ", "Số điện thoại", "Xem chi tiết", and "Xóa sản phẩm". The table contains six rows of customer data. The first row is highlighted with a red background. The "Xem chi tiết" button for the first row is labeled "8" and the "Xóa sản phẩm" button is labeled "9".

**ViVu** **5** **Thái Thanh Liêm**

CÁC CHỨC NĂNG CHÍNH

- Danh mục sản phẩm **1**
- Hóa đơn **2**
- Khách hàng **3**
- Thống kê **4**

Cửa hàng xe máy Quản trị viên **6** Trang chủ > Khách hàng

Bảng danh sách sản phẩm

Q Tìm **7**

Mã khách hàng	Tên khách hàng	tên đăng nhập	mật khẩu	Địa chỉ	Số điện thoại	Xem chi tiết	Xóa sản phẩm
makh01	Anh A	anha	123456	tp hcm	0909452358	<b>8</b> Xem	<b>9</b> Xóa
makh01	Anh A	anha	123456	tp hcm	0909452358	Xem	Xóa
makh01	Anh A	anha	123456	tp hcm	0909452358	Xem	Xóa
makh01	Anh A	anha	123456	tp hcm	0909452358	Xem	Xóa
makh01	Anh A	anha	123456	tp hcm	0909452358	Xem	Xóa
makh01	Anh A	anha	123456	tp hcm	0909452358	Xem	Xóa

Cửa hàng xe máy vi vu Admin. Design: Liêm & Ngân

localhost:8505/webxemay\_Admin/index2.html Phiên bản 1.0

### 15.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn	
3	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng như giao diện trên	
4	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thông kê	
5	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
6	Trở về trang chủ	Click chuột vào ‘ Trang chủ’ kế bên [6] để trở về giao diện trang chủ	
7	Tìm kiếm khách hàng theo tên khách hàng	Gõ tên xe vào textbox [7] để lọc ra các thông số kỹ thuật có tên xe giống hoặc gần giống.	
8	Xem chi tiết khách hàng	Click vào nút xem [8] để xem chi tiết khách hàng	
9	Xóa khách hàng	Click vào nút xóa [9] để xóa khách hàng	

### 15.3. Mô tả xử lý

Xóa và tìm kiếm như các mô tả trên.

## 16. Thêm sản phẩm:

### 16.1. Giao diện

**ViVu** 5

Thái Thanh Liêm  
User

CỬA HÀNG XE MÁY Quản trị viên

6 Trang chủ Sản phẩm Thêm sản phẩm

**Thêm sản phẩm**

Mã xe máy: Mã 10

Tên xe máy: Tên 11

Đơn giá: Đơn giá 12

Loại xe: Chọn loại xe 13

Mã thông số kỹ thuật: Chọn mã thông số kỹ thuật 14

Xem 7

Hủy bỏ 8

9 Hoàn tất

Cửa hàng xe máy vi vu Admin. Design: Liêm & Ngân

Phiên bản 1.0

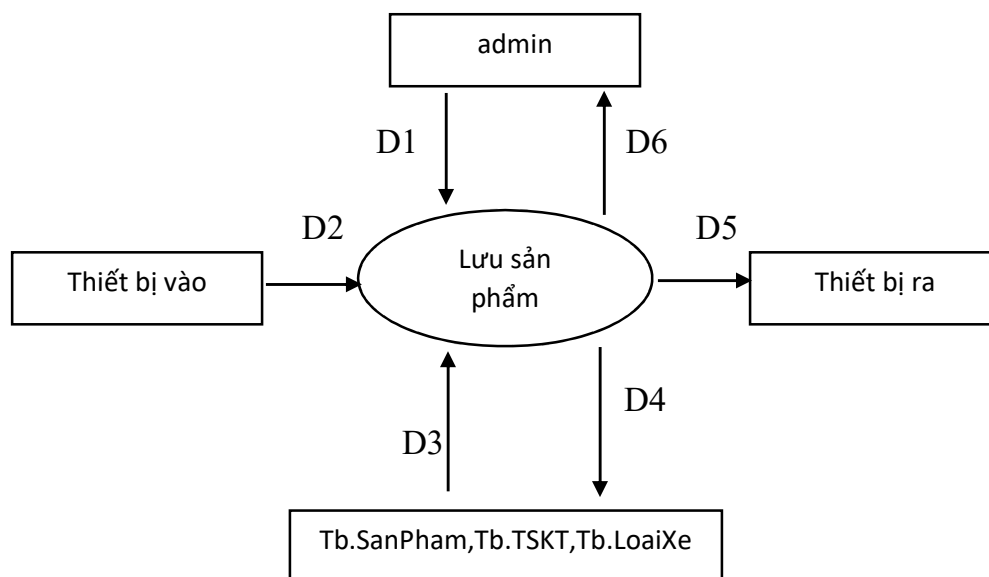
## 16.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến loại sản phẩm	Click chuột trái vào [1.1] để mở ra trang loại sản phẩm	
3	Đi đến sản phẩm	Click chuột trái vào [1.2] để mở ra trang quản lý sản phẩm	
4	Đi đến thông số kỹ thuật	Click chuột trái vào [1.3] để mở ra trang quản lý thông số kỹ thuật	
5	Đi đến nhập hàng	Click chuột trái vào [1.4] để mở ra trang quản lý nhập hàng	
6	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn	
7	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng	
8	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thống kê	
9	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
10	Trở về trang chủ	Click chuột vào ‘ Trang chủ’ kế bên [6] để trở về giao diện trang chủ	
11	Xem chi tiết TSKT đã được chọn	Click chuột trái vào xem[7] để xem chi tiết thông số kỹ thuật	
12	Hủy bỏ thêm sản phẩm	Click chuột trái vào “Hủy”[8] để trở về trang quản lý sản phẩm	
13	Lưu sản phẩm	Click vào “Lưu” [9] để lưu sản phẩm muốn thêm	
14	[10] Validate kiểm tra chuỗi do admin nhập (không được để trống)	Click vào “Lưu” [9] để lưu sản phẩm muốn thêm	
15	[11] Validate kiểm tra chuỗi do admin nhập (không được để trống)	Click vào “Lưu” [9] để lưu sản phẩm muốn thêm	

16	[12] Validate kiểm tra chuỗi do admin nhập (không được để trống)	Click vào “Lưu” [9] để lưu sản phẩm muốn thêm	
17	[13] Hiện thị danh sách tên loại xe	Click vào mũi tên góc phải combobox	
18	[14] Hiện thị danh sách mã thông số kỹ thuật	Click vào mũi tên góc phải combobox	

### 16.3. Mô tả xử lý

#### 16.3.1. Nghiệp vụ lưu sản phẩm



#### 16.3.2. Mô tả dữ liệu

- D1: thông tin mã xe máy, tên xe máy, mã thông số kỹ thuật, mã loại xe, giá bán
- D2: không có
- D3 : thông tin mã xe máy, tên xe máy, mã thông số kỹ thuật, mã loại xe, giá bán
- D4: thông tin mã xe máy, tên xe máy, mã thông số kỹ thuật, mã loại xe, giá bán
- D5: không có
- D6 : không có

#### 16.3.3. Thuật toán

- B1: đưa biểu mẫu lên D6
- B2: lấy thông tin từ cái text box của biểu mẫu từ D1

- B3:mở kết nối CSDL
- B4:lưu mã sản phẩm, tên sản phẩm, mã loại, mã TSKT, giá bán vào bảng SanPham
- B5:thành công và đóng CSDL
- B6: Kết thúc.

## 17. Thêm Phiếu

### 17.1. Giao diện

The screenshot displays the 'Phiếu nhập hàng' (Purchase Order) form within the ViVu application. The form is titled 'Phiếu nhập hàng' in red text. It includes the following fields and controls:

- Mã phiếu:** A text input field for the purchase order code.
- Tên xe:** A dropdown menu for selecting the vehicle type.
- Ngày nhập:** A date picker set to 12/01/2018.
- Giá nhập:** A text input field for the purchase price, followed by a '.VND' suffix.
- Số lượng:** A text input field for the quantity.
- Buttons:** A red 'Hủy bỏ' (Cancel) button and a blue 'Hoàn tất' (Complete) button.

The interface also features a sidebar on the left with navigation links: 'Danh mục sản phẩm', 'Loại sản phẩm', 'Sản phẩm', 'Thống số kỹ thuật', 'Nhập hàng', 'Hóa đơn', 'Khách hàng', and 'Thống kê'. The top bar shows the user 'Thái Thanh Liêm' and the role 'Quản trị viên'. The bottom of the screen has a footer with 'Cửa hàng xe máy vi vu Admin. Design: Liêm & Ngân' and 'Phiên bản 1.0'.

## 17.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến loại sản phẩm	Click chuột trái vào [1.1] để mở ra trang loại sản phẩm	
3	Đi đến sản phẩm	Click chuột trái vào [1.2] để mở ra trang quản lý sản phẩm	
4	Đi đến thông số kỹ thuật	Click chuột trái vào [1.3] để mở ra trang quản lý thông số kỹ thuật	
5	Đi đến nhập hàng	Click chuột trái vào [1.4] để mở ra trang quản lý nhập hàng	
6	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn	
7	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng	
8	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thống kê	
9	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
10	Trở về trang chủ	Click chuột vào ‘ Trang chủ’ kế bên [6] để trở về giao diện trang chủ	
11	Hủy bỏ thêm sản phẩm	Click chuột trái vào “Hủy”[7] để trở về trang quản lý sản phẩm	
12	Lưu sản phẩm	Click vào “Lưu” [8] để lưu phiếu muốn thêm	
13	[9] Validate kiểm tra giá trị do admin nhập (không được để trống)	Click vào “Lưu” [8] để lưu phiếu muốn thêm	
14	[10] Hiện danh sách tên xe	Click vào mũi tên ở góc phải combobox	
15	[11] Hiện lịch cho phép chọn ngày	Click vào mũi tên ở góc phải combobox	



16	[12] Validate kiểm tra giá trị do admin nhập (không được để trống)	Click vào “Lưu” [8] để lưu phiếu muốn thêm	
17	[13] Validate kiểm tra giá trị do admin nhập (không được để trống)	Click vào “Lưu” [8] để lưu phiếu muốn thêm	

## 18. Thêm hóa đơn

### 18.1. Giao diện

**ViVu** 5 Thái Thành Liêm User

**Cửa hàng xe máy** Quản trị viên 6 Trang chủ · Hóa đơn · Thêm hóa đơn

**Thêm hóa đơn**

Mã hóa đơn: mã 10

Ngày đặt hàng: 12/01/2018 11

Tên khách hàng: tên 12

Tổng tiền: 60000 13

8 Lùi về Submit 9

Activate Windows  
Go to Settings to activate Windows.


Cửa hàng xe máy vi vu Admin. Design: Liêm & Ngân Phiên bản 1.0

## 18.2. Danh sách xử lý

STT	Tên xử lý	Điều kiện gọi thực hiện	
1	Lựa chọn các quản lý sản phẩm	Click chuột trái vào [1] để mở ra các nhánh con của danh mục sản phẩm	
2	Đi đến quản lý hóa đơn	Click chuột trái vào [2] để mở trang quản lý hóa đơn	
3	Đi đến quản lý khách hàng	Click chuột trái vào [3] để mở trang quản lý khách hàng như giao diện trên	
4	Lựa chọn loại thông kê	Click chuột trái vào [4] để mở các nhánh con của thống kê	
5	Thu nhỏ thanh menu	Click chuột vào biểu tượng kế bên [5] để thu nhỏ hoặc mở rộng thanh menu (menu trên giao diện đang ở trạng thái mở rộng)	
6	Trở về trang chủ	Click chuột vào ‘ Trang chủ’ kế bên [6] để trở về giao diện trang chủ	
7	Chuyển sang form kế	Khi điền đầy đủ thông tin trên form sẽ click vào nút “Next”[7] để sang form sau	
8	Lùi về form trước	Click vào nút “Lùi” [8] để lùi về form trước	
9	Tạo hóa đơn	Click vào nút “Summit” [9] để thêm hóa đơn.	
10	Validate kiểm tra giá trị admin nhập vào (không được để trống)	Click vào nút “Summit” [9] để thêm hóa đơn	
11	Hiện lịch cho phép chọn ngày	Click vào mũi tên ở góc phải combobox	
12	Validate kiểm tra giá trị admin nhập vào (không được để trống)	Click vào nút “Summit” [9] để thêm hóa đơn	
13	Validate kiểm tra giá trị admin nhập vào (không được để trống)	Click vào nút “Summit” [9] để thêm hóa đơn	

## BẢNG PHÂN CÔNG CÔNG VIỆC

STT	Tên công việc	Thành viên thực hiện
1	Thiết kế giao diện, mô tả màn hình giao diện, danh sách xử lý, vẽ sơ đồ luồng dữ liệu, mô tả, nêu thuật toán phần Guest, User	Ngân
2	Thiết kế giao diện, mô tả màn hình giao diện, danh sách xử lý, vẽ sơ đồ luồng dữ liệu, mô tả, nêu thuật toán phần Admin	Liên
3	Làm báo cáo phần Guest, User	Ngân
4	Làm báo cáo phần Admin	Liên

 Chú thích:

Trong quá trình làm có sự trao đổi, góp ý, chỉnh sửa qua lại giữa các thành viên để bài làm hoàn chỉnh hơn